



Original Article

Concluding Bilateral and Regional Agreements relating to Maritime Disputes: Possible Implications for the Compulsory Dispute Settlement Mechanisms under the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea

Phan Duy Hao*, Tran Viet Ha

Diplomatic Academy of Viet Nam, Chua Lang, Dong Da, Ha Noi, Viet Nam

Received 17 February 2022

Revised 23 February 2022; Accepted 15 June 2022

Abstract: In the midst of recent complicated developments in the East Sea, ASEAN member states and China have concluded a number of bilateral and regional agreements to manage disputes and promote maritime cooperation. This demonstrates efforts of the parties to enhance trust, prevent conflicts, and create a favorable environment for dispute settlement. The conclusion of bilateral and regional agreements, however, also raises concerns over possible implications for the compulsory dispute settlement mechanisms under the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS) as UNCLOS contains provisions that enable bilateral and regional agreements to preclude its compulsory procedures. This paper will look into the compulsory nature of UNCLOS dispute settlements mechanisms. It will then examine the conditions for bilateral and regional agreements to preclude UNCLOS compulsory dispute settlement mechanisms. Finally, it will assess possible implications of agreements that have been concluded between ASEAN member states and China in the East Sea for the compulsory dispute settlements under UNCLOS.

Keywords: UNCLOS, compulsory dispute settlement, Article 281, Article 282, bilateral agreements, regional agreements, maritime disputes.

* Corresponding author.

E-mail address: haoduyphan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4436>

Ký kết thoả thuận song phương và khu vực về tranh chấp biển: Hệ lụy có thể có đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982

Phan Duy Hảo*, Trần Việt Hà

Học viện Ngoại giao, Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 17 tháng 2 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 2 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 6 năm 2022

Tóm tắt: Trước những diễn biến ngày càng phức tạp ở Biển Đông, thời gian qua các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết một số thoả thuận song phương và khu vực để quản lý tranh chấp và thúc đẩy hợp tác biển. Đây có thể xem là nỗ lực của các bên nhằm tăng cường lòng tin, ngăn ngừa xung đột, tạo môi trường thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, việc ký kết những thoả thuận này cũng đặt ra vấn đề về khả năng tác động đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) do UNCLOS có một số điều khoản cho phép thoả thuận song phương và khu vực loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước. Bài viết này sẽ làm rõ tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS, phân tích các điều kiện cho phép thoả thuận song phương và khu vực loại trừ cơ chế bắt buộc của UNCLOS, tìm hiểu khả năng đáp ứng của các thoả thuận giữa ASEAN và Trung Quốc, qua đó đánh giá hệ lụy có thể có của các thoả thuận này đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS.

Từ khóa: UNCLOS, giải quyết tranh chấp bắt buộc, Điều 281, Điều 282, thoả thuận song phương, thoả thuận khu vực, tranh chấp Biển Đông.

1. Mở đầu

Trước những diễn biến ngày càng phức tạp ở Biển Đông, thời gian qua các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết một số thoả thuận song phương và khu vực để quản lý tranh chấp và thúc đẩy hợp tác biển. Ở cấp độ song phương, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển năm 2011 (Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011), ghi nhận cơ chế Trưởng đoàn đàm phán biên giới cấp Chính phủ và xây dựng cơ chế đường dây nóng để kịp thời xử lý các vụ việc trên biển [1]; Brunei và Trung Quốc ký Bản

ghi nhớ thành lập Ủy ban chỉ đạo liên hợp cấp Bộ trưởng năm 2018 (Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018) [2]; Philippines và Trung Quốc ký Bản ghi nhớ về hợp tác phát triển dầu khí ký năm 2018 (Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018) [3]; Malaysia và Trung Quốc đạt được thoả thuận về việc xây dựng cơ chế đối thoại song phương về vấn đề trên biển năm 2019 [4].¹ Ở cấp độ khu vực, ASEAN và Trung Quốc đã ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) [5] và hiện đang đàm phán để xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC).

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: haoduyphan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4436>

¹ Thỏa thuận giữa Malaysia và Trung Quốc về việc xây dựng cơ chế đối thoại song phương về vấn đề trên biển được ký ngày 12/9/2019 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia; văn bản của thoả thuận này không được công khai.

Một mặt, việc ký kết các thoả thuận song phương và khu vực nêu trên thể hiện nỗ lực của các bên nhằm tăng cường lòng tin, ngăn ngừa xung đột, tạo môi trường thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp. Mặt khác, việc ký kết các thoả thuận này cũng đặt ra vấn đề về khả năng tác động đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) vì theo Điều 281 và Điều 282, một số thoả thuận song phương và khu vực giữa các bên tranh chấp có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước.

Bài viết này sẽ làm rõ khả năng các thoả thuận song phương, khu vực có thể hạn chế quyền của các bên trong việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Với mục đích này, bài viết có bố cục như sau: phần 2 giải thích tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS; phần 3 phân tích nội dung Điều 281 và Điều 282 của Công ước, tham khảo các án lệ liên quan để chỉ ra những điều kiện cụ thể cho phép thoả thuận song phương, khu vực loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS; phần 4 tìm hiểu khả năng đáp ứng các điều kiện này của một số thoả thuận song phương, khu vực ở Biển Đông đã được các nước ASEAN và Trung Quốc ký kết trong thời gian qua².

2. Tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS

Được xem là bản “Hiến pháp về biển và đại dương”, UNCLOS tạo khuôn khổ pháp lý quốc

tế toàn diện cho việc xác lập tất cả các vùng biển, đặt ra các giới hạn về phạm vi địa lý của các vùng biển, xác định quy chế pháp lý của từng vùng biển và đưa ra các nguyên tắc để phân định vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hoặc đối diện [6]. UNCLOS cũng tạo cơ sở pháp lý cơ bản cho việc triển khai tất cả các hoạt động trên biển, từ hoạt động hàng hải, khai thác kinh tế biển, đến hoạt động bảo tồn tài nguyên biển, bảo vệ môi trường trên biển, nghiên cứu khoa học biển, giữ gìn an toàn và an ninh trên biển và thúc đẩy hợp tác biển.³

Để bảo đảm tính hiệu lực, thống nhất và toàn vẹn của UNCLOS, các quốc gia đàm phán đã xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp UNCLOS chặt chẽ, toàn diện và bắt buộc đối với tất cả các quốc gia thành viên.⁴ Theo đó, khi có tranh chấp xảy ra liên quan đến việc giải thích hay áp dụng UNCLOS, ở bước đầu tiên, các quốc gia thành viên phải giải quyết tranh chấp bằng một biện pháp hòa bình do họ lựa chọn như đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, tòa án.⁵ Trong trường hợp các bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua biện pháp tự nguyện, một bên *có quyền* đưa tranh chấp này ra một trong bốn cơ quan tư pháp quốc tế được Công ước trừ định tại Điều 287 để giải quyết [7]⁶. Các cơ quan này gồm Tòa án công lý quốc tế (ICJ), Tòa án Luật biển quốc tế (ITLOS), Tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII hoặc Tòa trọng tài đặc biệt được thành lập theo Phụ lục VIII. Bên tranh chấp còn lại có *nghĩa vụ* tham gia tiến trình tư pháp này. Nếu bên còn lại vắng mặt, bên kia có thể yêu cầu Tòa tiếp tục trình tự tố tụng và phán quyết⁷.

² Bài viết chỉ tập trung tìm hiểu một số thoả thuận khu vực, song phương về tranh chấp Biển Đông có liên quan đến mục đích và phạm vi nghiên cứu thay vì phân tích toàn bộ các văn kiện thể hiện quan điểm của các bên về Biển Đông.

³ Các Nghị quyết thường niên của Đại hội đồng Liên Hợp quốc về biển và đại dương đều khẳng định tính toàn vẹn, thống nhất của UNCLOS, nhấn mạnh UNCLOS tạo cơ sở pháp lý cho mọi hành động và hợp tác ở cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu; do có tầm quan trọng chiến lược, tính thống nhất, toàn vẹn của UNCLOS cần tiếp tục được duy trì. Chẳng hạn, Nghị quyết số A/RES/75/239 được thông qua ngày 31/12/2020 với số phiếu ủng hộ kỷ lục (152 phiếu thuận, 1 phiếu chống và 4 phiếu trắng).

⁴ Cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS được quy định tại Phần XV của Công ước. Mục 1 (Điều 279 - 285) là các quy định chung; Mục 2 (Điều 286 - 296) trừ định các thủ tục tài phán bắt buộc; Mục 3 (Điều 297 - 299) nêu một số ngoại lệ và giới hạn đối với các thủ tục tài phán bắt buộc được trừ định ở Mục 2.

⁵ UNCLOS, Điều 279.

⁶ Như trên, Điều 286. Về nguyên tắc chấp thuận trong giải quyết tranh chấp quốc tế, xem Alexander Orakelashvili, ‘Consensual Principle’ trong *Max Planck Encyclopedia of International Procedural Law*,

⁷ Theo Điều 12 Phụ lục V, Điều 28 Phụ lục VI, Điều 9 Phụ lục VII, Điều 4 Phụ lục VIII, việc một bên vắng mặt hay

Bằng việc phê chuẩn hoặc gia nhập để trở thành thành viên UNCLOS, các quốc gia đã đồng thời bày tỏ chấp thuận chế định giải quyết tranh chấp bắt buộc được quy định trong Công ước. Tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS, vì vậy, hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chấp thuận trong giải quyết tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia⁸.

Sau 40 năm kể từ ngày UNCLOS được thông qua, đã có 43 tranh chấp biển được giải quyết thông qua cơ chế bắt buộc được trù định tại UNCLOS, trong đó có 29 tranh chấp được đệ trình lên ITLOS [7] và 14 tranh chấp được đệ trình lên Tòa trọng tài theo Phụ lục VII [8]. Đối với các quốc gia ở khu vực châu Á, ITLOS đã giải quyết 3 tranh chấp liên quan đến Nhật Bản, 2 tranh chấp liên quan đến Australia, 1 tranh chấp liên quan đến Ấn Độ, Malaysia, Singapore và Myanmar. Các Tòa trọng tài theo Phụ lục VII đã thụ lý vụ kiện trọng tài Biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc, 2 tranh chấp liên quan đến Ấn Độ. Ngoài ra, một tranh chấp đã được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải bắt buộc, đó là tranh chấp phân định biển Timor giữa Timor-Leste và Australia. Điều này đã xác nhận tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS trên thực tế, cho thấy UNCLOS đã tạo ra một “sân chơi bình đẳng” trong đó mọi quốc gia thành viên, dù lớn hay nhỏ, đều có thể đưa tranh chấp ra bên thứ ba để giải quyết trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS, do đó, là một trong những ưu điểm lớn của Công ước, đặc biệt là đối với các nước vừa và nhỏ, trong tranh chấp với các nước lớn có ưu thế vượt trội về quân sự, quyền lực chính trị, kinh tế, kỹ thuật. Đây là thành quả quan trọng của Hội nghị Liên hợp quốc về Luật Biển lần III trong nỗ lực xây dựng một điều ước toàn diện về biển trên cơ sở đồng thuận và không cho phép bảo lưu. Để chế định giải quyết tranh

chấp bắt buộc được các quốc gia tham dự Hội nghị Liên hợp quốc về Luật Biển lần thứ III ủng hộ và nhằm bảo đảm sự cân bằng về quyền, lợi ích và quan điểm giữa các quốc gia, Điều 297 của Công ước cho phép một số tranh chấp nhất định được mặc nhiên loại trừ khỏi thủ tục tư pháp bắt buộc của UNCLOS và Điều 298 cho phép một số tranh chấp được loại trừ trên cơ sở tuyên bố của quốc gia thành viên. Đáng chú ý, Điều 281 và Điều 282 cũng cho phép các thoả thuận ngoài UNCLOS loại trừ việc áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Đây là nội dung quan trọng, cần được các nước chú ý, tránh để các thoả thuận song phương, khu vực gây phương hại đến quyền sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Phần tiếp theo của bài viết sẽ tập trung phân tích các điều kiện được quy định tại Điều 281 và Điều 282.

3. Các điều kiện cho phép thoả thuận song phương và khu vực loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS

3.1. Các điều kiện theo Điều 281

Như phân tích tại phần 2 của bài viết, khi có tranh chấp phát sinh liên quan đến việc giải thích hay áp dụng UNCLOS, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình mà hai bên lựa chọn. Quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS chỉ “phát huy tác dụng” trong trường hợp hai bên không thể tự giải quyết được tranh chấp hoặc không thể thống nhất về biện pháp giải quyết tranh chấp.⁹ Nếu hai bên có thể tự giải quyết tranh chấp theo biện pháp mà họ lựa chọn, hoặc nếu hai bên có thể đạt được một thoả thuận về biện pháp giải quyết tranh chấp, thoả thuận này có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt

việc một bên không trình bày các lý lẽ của mình không cản trở cho trình tự tố tụng.

⁸ Theo nguyên tắc chấp thuận, trên cơ sở bình đẳng chủ quyền, việc giải quyết tranh chấp quốc tế thông qua bên thứ ba cần được cả hai bên tranh chấp chấp thuận.

⁹ Điều 280 UNCLOS. nhấn mạnh “không một quy định nào của phần này ảnh hưởng đến quyền của các quốc gia thành

viên đi đến thoả thuận giải quyết vào bất cứ lúc nào, bằng bất kỳ phương pháp hòa bình nào theo sự lựa chọn của mình một vụ tranh chấp xảy ra giữa họ về vấn đề giải thích hay áp dụng Công ước”.

buộc của UNCLOS nếu đáp ứng điều kiện của Điều 281.

Cụ thể, khoản 1 Điều 281 quy định như sau:

“Nếu các quốc gia thành viên là bên tranh chấp liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước đã thỏa thuận tìm cách giải quyết tranh chấp này bằng một biện pháp hòa bình theo sự lựa chọn của họ, thì các thủ tục được trù định trong Phần này chỉ được áp dụng nếu tranh chấp không được giải quyết bằng biện pháp này và nếu thỏa thuận giữa hai bên không loại trừ khả năng tiến hành một thủ tục khác”.¹⁰

Căn cứ quy định tại Điều 281, hai bên tranh chấp có quyền bỏ qua cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS nếu đáp ứng được đầy đủ ba điều kiện sau đây:

i) Tồn tại thỏa thuận được ký kết giữa các bên liên quan đến tranh chấp;

ii) Thỏa thuận này quy định về việc giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS bằng một biện pháp hòa bình theo lựa chọn giữa các bên;

iii) Thỏa thuận này loại trừ các thủ tục giải quyết tranh chấp khác.

Đến nay, Điều 281 đã được các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế xem xét trong 09 vụ việc, bao gồm: vụ Southern Bluefin Tuna giữa Australia, New Zealand và Nhật Bản (thủ tục biện pháp tạm thời tại ITLOS năm 1999, sau đây gọi là vụ *Southern Bluefin Tuna 1999*) [9]; vụ Southern Bluefin Tuna giữa Australia, New Zealand và Nhật Bản (thủ tục trọng tài Phụ lục VII năm 2000, sau đây gọi là vụ *Southern Bluefin Tuna 2000*) [10]; vụ Land Reclamation giữa Malaysia và Singapore (thủ tục biện pháp tạm thời tại ITLOS năm 2003, sau đây gọi là vụ *Land Reclamation*); vụ MOX Plant giữa Ireland và Anh (thủ tục trọng tài Phụ lục VII năm 2003, sau đây gọi là vụ *MOX Plant*) [11]; vụ phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Barbados và Trinidad và Tobago (thủ tục trọng tài Phụ lục VII năm 2006, sau đây gọi là vụ *Barbados/Trinidad & Tobago*); vụ Chagos Marine Protected Area giữa Mauritius và Anh

(thủ tục trọng tài Phụ lục VII năm 2015, sau đây gọi là vụ *Chagos*); vụ kiện trọng tài Biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc (thủ tục trọng tài Phụ lục VII giai đoạn thẩm quyền năm 2015, sau đây gọi là vụ *kiện trọng tài Biển Đông*) [12]; vụ hoà giải bắt buộc về phân định Biển Timor giữa Timor-Leste và Australia (thủ tục hoà giải Phụ lục V giai đoạn thẩm quyền năm 2016, sau đây gọi là vụ *hoà giải Biển Timor*) [13] và vụ về quyền của quốc gia ven biển tại Biển Đen, Biển Azov và Eo biển Kerch giữa Ukraine và Nga (thủ tục trọng tài Phụ lục VII giai đoạn thẩm quyền năm 2020, sau đây gọi là vụ *Biển Đen, Biển Azov và Eo biển Kerch*) [14].

Đối với điều kiện thứ nhất của Điều 281 về việc tồn tại thỏa thuận giữa các bên liên quan đến tranh chấp, tất cả các án lệ của UNCLOS đều có cùng cách tiếp cận. Theo đó, thỏa thuận được nhắc đến tại Điều 281 phải là một điều ước quốc tế. Các văn kiện chính trị (như tuyên bố chung, thông cáo chung, tuyên bố báo chí, biên bản đàm phán...) hoặc các điều ước quốc tế nhưng không quy định về biện pháp giải quyết tranh chấp đều không đáp ứng điều kiện để loại trừ Phần XV của UNCLOS. Trong vụ *hoà giải Biển Timor*, Australia sử dụng một thỏa thuận không ràng buộc để bác bỏ thẩm quyền của Ủy ban Hoà giải; trong khi đó, Timor-Leste nhấn mạnh thỏa thuận mà Australia viện dẫn không thể tạo thành rào cản về thẩm quyền của Ủy ban do không phải là điều ước quốc tế. Sau khi xem xét lập luận của hai bên, Ủy ban Hoà giải cho rằng việc giải thích Điều 281 theo hướng cho phép một thỏa thuận không ràng buộc có thể loại trừ điều khoản giải quyết tranh chấp bắt buộc của một điều ước có tính ràng buộc là không phù hợp với lời văn và mục đích của Điều 281, và cũng không phù hợp với ngữ cảnh của Điều 281 và Điều 282 [13]. Do đó, Ủy ban Hoà giải kết luận cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS không bị loại trừ, Ủy ban có thẩm quyền xem xét tranh chấp.

Đối với điều kiện thứ hai của Điều 281 về việc thỏa thuận giữa các bên phải quy định về giải quyết tranh chấp, các án lệ quốc tế cũng

¹⁰ “Các thủ tục được trù định trong Phần này” có nghĩa là các thủ tục bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc được quy định tại Phần XV, UNCLOS. Khoản 2 Điều 280 UNCLOS

quy định thêm “nếu các bên cùng thỏa thuận về một thời hạn, thì khoản 1 chỉ được áp dụng kể từ khi kết thúc thời hạn này”.

không có bất đồng về cách tiếp cận. Theo đó, các cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế đều yêu cầu thỏa thuận liên quan phải đề cập đến một biện pháp giải quyết tranh chấp cụ thể thì mới có thể thay thế cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS. Trong vụ *Biển Đen, Biển Azov và Eo biển Kerch*, Nga viện dẫn hai thỏa thuận song phương ký kết với Ukraine, gồm Hiệp ước Hợp tác Azov/Kerch và Hiệp ước Biên giới quốc gia, để lập luận rằng Tòa trọng tài không có thẩm quyền theo Điều 281 UNCLOS. Cả hai thỏa thuận này đều được Tòa trọng tài xác nhận là điều ước quốc tế, vì vậy đáp ứng điều kiện thứ nhất của Điều 281. Tuy nhiên, Tòa kết luận hai thỏa thuận này đều không đáp ứng điều kiện thứ hai để loại trừ cơ chế giải quyết bắt buộc của UNCLOS do cả hai đều chỉ quy định về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến Eo biển Kerch/vùng biển kế cận, thay vì quy định về biện pháp giải quyết tranh chấp giữa hai nước [14]. Trong vụ *hoà giải Biển Timor*, Ủy ban Hoà giải cũng khẳng định Hiệp ước về Một số dàn xếp tại Biển Timor giữa Australia và Timor-Leste (Treaty on Certain Maritime Arrangements in the Timor Sea, sau đây gọi là CMATS) tuy là điều ước quốc tế nhưng vẫn không phải là thỏa thuận theo Điều 281 vì Hiệp ước này chỉ loại trừ tất cả các thủ tục giải quyết tranh chấp mà không quy định biện pháp thay thế để giải quyết tranh chấp giữa hai bên [13].

Đối với điều kiện thứ ba của Điều 281 về việc thỏa thuận giữa hai bên phải loại trừ các thủ tục khác, các cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế hiện có hai cách tiếp cận khác nhau. Theo cách tiếp cận thứ nhất, thỏa thuận liên quan phải loại trừ thủ tục giải quyết tranh chấp khác một cách rõ ràng (*expressly exclude*) thì mới có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Theo cách tiếp cận thứ hai, thỏa thuận liên quan chỉ cần ngầm loại trừ các thủ tục khác (*implicitly exclude*) thì đã có thể thỏa mãn điều kiện của Điều 281. Trong số các án lệ quốc tế liên quan, trường hợp duy nhất áp dụng cách tiếp cận thứ hai là vụ *Southern Bluefin Tuna 2000*.

Trong vụ *Southern Bluefin Tuna 2000*, Australia và New Zealand khởi kiện Nhật Bản theo Phần XV UNCLOS về tính hợp pháp của

chương trình đánh cá ngừ vây xanh thí điểm của Nhật Bản. Mặc dù Australia, New Zealand và Nhật Bản đã có thỏa thuận về việc quản lý nguồn cá ngừ vây xanh trong khuôn khổ Công ước ba bên về bảo tồn cá ngừ vây xanh năm 1993 (*1993 Convention for the Conservation of Southern Bluefin Tuna*, sau đây gọi là CCSBT), Australia và New Zealand cho rằng hoạt động khai thác cá của Nhật Bản đã vi phạm UNCLOS nên vẫn khởi kiện theo thủ tục bắt buộc của UNCLOS. Tòa Trọng tài Phụ lục VII đã bác đơn kiện của Australia và New Zealand vì theo Tòa, Điều 16 của CCSBT đáp ứng các điều kiện của Điều 281 UNCLOS [10, đoạn 55-59].

Điều 16 của CCSBT quy định:

“1. Nếu bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hoặc nhiều bên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, các bên phải tham vấn với nhau để giải quyết tranh chấp bằng đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, thủ tục tư pháp hoặc các biện pháp hòa bình khác do các Bên lựa chọn.

2. Bất kỳ tranh chấp nào thuộc tính chất này nếu không giải quyết được phải được đưa ra giải quyết tại Tòa án Công lý quốc tế hoặc trọng tài, với sự đồng thuận trong từng vụ việc của tất cả các bên tranh chấp; tuy nhiên việc không đạt đồng thuận đưa vụ việc ra Tòa án Công lý quốc tế hoặc trọng tài không miễn cho các bên trong tranh chấp trách nhiệm tiếp tục nỗ lực giải quyết tranh chấp bằng bất kỳ biện pháp nào trong các biện pháp hòa bình được quy định tại khoản 1.

3. Trong trường hợp tranh chấp được đưa ra trọng tài, tòa trọng tài phải được thành lập theo quy định tại Phụ lục của Công ước này. Phụ lục là một phần không tách rời của Công ước này.”

Tòa Trọng tài cho rằng CCSBT tuy không loại trừ rõ ràng nhưng đã ngầm loại trừ các thủ tục khác. Theo Tòa, Điều 16 chỉ cho phép các bên đưa tranh chấp ra ICJ hoặc tòa trọng tài nếu có chấp thuận của tất cả các bên trong từng vụ việc và sau khi các bên đã tham vấn để giải quyết tranh chấp bằng đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, thủ tục tư pháp nhưng vẫn không giải quyết được tranh chấp. Tòa lý giải rằng yêu cầu chấp thuận tại Điều 16 có nghĩa là CCSBT đã ngầm loại trừ thủ tục trọng tài bắt

buộc được quy định tại Phần XV của UNCLOS [10, đoạn 57]. Do đó, Tòa kết luận CCSBT đáp ứng điều kiện 2 của Điều 281 và khẳng định không có thẩm quyền xem xét đơn kiện của Australia và New Zealand.

Phán quyết của Tòa Trọng tài Phụ lục VII vụ *Southern Bluefin Tuna 2000* đã nhận nhiều chỉ trích. Trong Ý kiến riêng, thẩm phán Kenneth Keith bày tỏ không đồng tình với cách tiếp cận của đa số thành viên. Ông phân tích lời văn tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha của UNCLOS, bố cục của Phần XV, mục đích và ý nghĩa của Phần này và của UNCLOS nói chung, cũng như tham khảo tài liệu đàm phán để khẳng định thoả thuận liên quan phải có cấu trúc rõ ràng về việc loại trừ các thủ tục khác thì mới có thể đáp ứng điều kiện 2 của Điều 281 để loại trừ thủ tục của UNCLOS¹¹. Nhiều học giả cũng cho rằng, thông qua việc phê chuẩn và trở thành thành viên UNCLOS, Australia, New Zealand và Nhật Bản đã tự nguyện chấp thuận sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp theo Phần XV, do đó, lý giải của Tòa Trọng tài về việc Phần XV chưa thoả mãn yêu cầu chấp thuận là không thuyết phục [15-18].

Trước đó, cũng trong cùng tranh chấp *Southern Bluefin Tuna* nhưng ở giai đoạn thủ tục biện pháp tạm thời (vụ *Southern Bluefin Tuna 1999*), ITLOS đã kết luận CCSBT không đáp ứng điều kiện để loại trừ thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS [9]. Sau vụ *Southern Bluefin Tuna 2000*, Điều 281 đã được các quốc gia bị đơn viện dẫn trong 7 vụ khác gồm *Land Reclamation, MOX Plant, Barbados/Trinidad & Tobago, Chagos, vụ kiện trọng tài Biển Đông, vụ hoà giải Biển Timor*, và *Biển Đen, Biển Azov và Eo biển Kerch*) nhưng đều bị các cơ quan giải quyết tranh chấp trong các vụ này bác bỏ, thậm chí không xem xét.

Trong *vụ kiện trọng tài Biển Đông*, vấn đề về Điều 281 được đặt ra vì Trung Quốc lập luận rằng các văn kiện song phương giữa Trung Quốc và Philippines và một số thoả thuận khu vực mà Trung Quốc và Philippines ký kết, trong đó có

Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (TAC) và Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), đã loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS trên cơ sở Điều 281. Sau khi xem xét từng văn kiện, Tòa Trọng tài Phụ lục VII đã kết luận các văn kiện mà Trung Quốc viện dẫn đều không đáp ứng các điều kiện của Điều 281. Chẳng hạn, DOC không phải là điều ước quốc tế và không loại trừ rõ ràng các thủ tục khác [12], trong khi đó TAC tuy là điều ước quốc tế nhưng vẫn không phải là thoả thuận theo Điều 281 vì không loại trừ rõ ràng các thủ tục khác [12]. Tòa Trọng tài nhấn mạnh, căn cứ lời văn Điều 281, bối cảnh đàm phán về cơ chế giải quyết tranh chấp và mục đích của UNCLOS, thoả thuận liên quan phải quy định rõ sẽ loại trừ các thủ tục khác thì mới đáp ứng điều kiện của Điều 281 [12, đoạn 223-225]. Vì vậy, Tòa khẳng định ủng hộ cách tiếp cận của ITLOS trong *vụ Southern Bluefin Tuna 1999* và của Thẩm phán Kenneth Keith và bác bỏ cách tiếp cận của Tòa Trọng tài Phụ lục VII trong *vụ Southern Bluefin Tuna 2000*.

3.2. Các điều kiện theo Điều 282

Bên cạnh khả năng loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS theo Điều 281, các thoả thuận song phương hoặc khu vực còn có thể được áp dụng thay thế UNCLOS để giải quyết tranh chấp giữa các bên ký kết nếu đáp ứng các điều kiện của Điều 282.

Cụ thể, Điều 282 quy định:

“Nếu các quốc gia thành viên là bên của một tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước đã đồng ý, trong khuôn khổ một thoả thuận chung, khu vực hoặc song phương hoặc một văn bản khác, rằng tranh chấp đó, theo đề nghị của bất kỳ bên tranh chấp nào, phải được đưa ra một thủ tục đưa đến một quyết định có tính ràng buộc, thì thủ tục này sẽ được áp dụng thay thế cho các thủ tục được trừ định tại Phần này, trừ khi các bên tranh chấp đồng ý khác”.¹²

¹¹ Ý kiến riêng của Thẩm phán Kenneth Keith, ngày 04/8/2000, RIIA XXIII, các đoạn 17-19.

¹² “Các thủ tục được trừ định tại Phần này” có nghĩa là các thủ tục bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc được quy định tại Phần XV UNCLOS.

Căn cứ Điều 282, các bên có thể sử dụng cơ chế riêng thay cho cơ chế của UNCLOS nếu đáp ứng được các điều kiện sau:

i) Tồn tại thoả thuận được ký kết giữa các bên của tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS;

ii) Thoả thuận này có quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS;

iii) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong thoả thuận có tính bắt buộc, tức là cho phép một bên khởi động mà không cần thêm sự chấp thuận riêng lẻ nào từ bên còn lại;¹³ kết quả của thủ tục này có hiệu lực ràng buộc các bên tranh chấp, tức là có giá trị pháp lý như phán quyết của cơ quan tài phán quốc tế.

Với quy định chặt chẽ như trên, không có nhiều thoả thuận khu vực hoặc song phương đáp ứng các điều kiện của Điều 282 UNCLOS. Do đó, đến nay Điều này mới chỉ được giải thích và áp dụng trong 05 vụ việc, bao gồm: *Southern Bluefin Tuna 1999*, *Southern Bluefin Tuna 2000*, *MOX Plant*, *vụ kiện trọng tài Biển Đông* và *vụ hoà giải Biển Timor*.¹⁴

Đối với điều kiện thứ nhất của Điều 282 về việc tồn tại thoả thuận giữa các bên, dường như không có bất đồng giữa các bên tranh chấp và không có khác biệt trong cách tiếp cận của các cơ quan tài phán quốc tế liên quan đến tính chất của thoả thuận. Theo đó, thoả thuận được quy định tại Điều 282 phải là một điều ước quốc tế, như khẳng định trong Quyết định về phản đối thẩm quyền của Australia của Ủy ban Hoà giải *vụ hoà giải Biển Timor* [13] và Phán quyết về Thẩm quyền và Khả năng thụ lý của Toà Trọng tài Phụ lục VII *vụ kiện trọng tài Biển Đông* [12].

Đối với điều kiện thứ hai của Điều 282 về việc thoả thuận phải có quy định cụ thể về cơ chế giải quyết tranh chấp, vấn đề đặt ra là tranh chấp phát sinh từ UNCLOS hay từ thoả thuận, và liệu các bên, thông qua thoả thuận này, có trao thẩm quyền giải quyết tranh chấp về giải thích hoặc áp dụng UNCLOS cho một cơ chế ngoài UNCLOS

hay không. Trong vụ *MOX Plant* (giai đoạn biện pháp tạm thời), Anh đã viện dẫn Điều 282 để bác bỏ thẩm quyền *prima facie* của Tòa trọng tài Phụ lục VII và thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm thời của ITLOS vì cho rằng các vấn đề mà Ireland đệ trình đều được điều chỉnh bởi các thoả thuận khu vực mà hai bên ký kết, bao gồm Công ước Bảo vệ Môi trường biển Đông Bắc Đại Tây Dương 1992 (*1992 Convention for the Protection of the Marine Environment of the North-East Atlantic*, sau đây gọi là OSPAR), Hiệp ước thành lập Cộng đồng châu Âu (*Treaty establishing the European Community*, sau đây gọi là Hiệp ước EC) và Hiệp ước thành lập Cộng đồng nguyên tử châu Âu, sau đây gọi là Hiệp ước Euratom) và các thoả thuận này đều có thủ tục riêng để giải quyết tranh chấp nên cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS sẽ không được áp dụng [18]. Tuy nhiên, ITLOS khẳng định các thoả thuận khu vực nêu trên không thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS theo Điều 282 do tranh chấp giữa Ireland và Anh chủ yếu liên quan đến UNCLOS, trong khi đó thủ tục tại Công ước OSPAR, Hiệp ước EC và Hiệp ước Euratom chỉ áp dụng đối với tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng các thoả thuận này, không phải các tranh chấp phát sinh từ UNCLOS [18]. Điều này cho thấy theo cách tiếp cận của ITLOS, đối với một tranh chấp phát sinh từ UNCLOS, Điều 282 chỉ được áp dụng nếu thoả thuận khu vực hoặc song phương giữa các bên quy định rõ rằng thủ tục riêng trong thoả thuận được áp dụng để giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS.

Kết luận trên của ITLOS nhận được ý kiến trái chiều từ các thành viên. Thẩm phán Jesus cho rằng ITLOS đã giải thích Điều 282 quá hẹp. Do các quốc gia thường tận dụng tính song song của các điều ước để điều chỉnh các lợi ích khác nhau, bao gồm thiết lập các thủ tục song song để giải quyết tranh chấp, Điều 282 có mục đích là quyết định thủ tục nào được áp dụng nếu có xung

¹³ Bên còn lại đã bày tỏ chấp thuận khi trở thành thành viên của thoả thuận.

¹⁴ Trong vụ *Chagos*, các bên khi lập luận về vấn đề thẩm quyền đều nhắc đến Điều 282, tuy nhiên điều khoản này đã

không được xem xét trong Phán quyết của Toà Trọng tài Phụ lục VII.

đột về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa UNCLOS và một thỏa thuận chung, khu vực hoặc song phương. Vì vậy, theo ông, nếu tranh chấp này phát sinh từ cả UNCLOS và thỏa thuận khu vực thì thủ tục giải quyết tranh chấp được trừ định tại thỏa thuận khu vực có thể được áp dụng thay cho thủ tục của UNCLOS.¹⁵ Thẩm phán Anderson cũng không đồng ý với ý kiến của ITLOS rằng chỉ các cơ chế của UNCLOS mới có thể giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng UNCLOS mà không phải điều ước nào khác.¹⁶ Trong khi đó, Thẩm phán Wolfrum và Tullio Treves bày tỏ ủng hộ kết luận của ITLOS.¹⁷ Thẩm phán Wolfrum khẳng định Công ước trao cho các cơ quan tài phán của UNCLOS chức năng giải quyết các tranh chấp về giải thích và áp dụng UNCLOS, trừ khi các bên đồng ý khác; tuy nhiên, việc “đồng ý khác” này không thể được ngầm định (*presumed*) mà phải được thể hiện rõ ràng trong các thỏa thuận liên quan; trong khi đó, các điều khoản của Hiệp ước EC không cho thấy ECJ sẽ giải quyết tranh chấp về giải thích và áp dụng UNCLOS.¹⁸ Thẩm phán Tullio Treves cho rằng áp dụng Điều 282 trong trường hợp này sẽ dẫn đến hệ quả là một tranh chấp về việc giải thích hoặc áp dụng UNCLOS sẽ bị để lại và xem xét từng phần riêng lẻ bởi các cơ quan tài phán khác nhau thay vì được giải quyết tổng thể bởi một cơ quan tài phán được Công ước trừ định; hệ quả này không phù hợp với mục đích Điều 282, đặt trong bối cảnh Phần XV Công ước.¹⁹ Ông khẳng định những thỏa thuận chỉ điều chỉnh tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng của các điều khoản thực chất (*substantive provisions*) của thỏa thuận đó chứ không phải UNCLOS (kể cả nếu các thỏa thuận này quy định các nghĩa vụ tương tự như quy định của UNCLOS) thì không phải là thỏa thuận đáp ứng điều kiện của Điều 282.

Trên thực tế, ở giai đoạn thủ tục trọng tài của vụ *MOX Plant*, Tòa trọng tài Phụ lục VII tuy cho

rằng một số vấn đề mà Ireland đệ trình có thể liên quan đến OSPAR nhưng khẳng định tranh chấp giữa hai bên về cơ bản vẫn là tranh chấp về việc giải thích và áp dụng UNCLOS, do đó Điều 282 không thể được viện dẫn để để loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS [11, đoạn 18]. Ở *vụ kiện trọng tài Biển Đông*, Tòa trọng tài Phụ lục VII cũng bác bỏ khả năng Công ước về Đa dạng sinh học (*Convention on Biological Diversity*, sau đây gọi là CBD) có thể thay thế thủ tục giải quyết tranh chấp của UNCLOS vì cho rằng CBD không quy định về việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến giải thích hoặc áp dụng UNCLOS [12, đoạn 318]. Như vậy, có thể thấy các Tòa trọng tài Phụ lục VII có cách tiếp cận tương tự như ITLOS, theo đó đối với tranh chấp chủ yếu liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS, cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS chỉ bị loại trừ nếu như thỏa thuận giữa các bên quy định rõ ràng thủ tục riêng trong thỏa thuận sẽ được sử dụng để giải quyết cả các tranh chấp phát sinh từ UNCLOS²⁰.

Đối với điều kiện thứ ba của Điều 282 về tính chất bắt buộc và ràng buộc của thủ tục được quy định tại thỏa thuận giữa các bên, trong *vụ kiện trọng tài Biển Đông*, Tòa Trọng tài Phụ lục VII đã xem xét và kết luận TAC và CBD không đáp ứng yêu cầu của Điều 282, do đó không loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Cụ thể, thủ tục giải quyết tranh chấp của TAC không bắt buộc, chỉ có thể khởi động nếu có thỏa thuận của các bên; hơn nữa thủ tục này cũng lắm chỉ có tính khuyến nghị, không mang lại quyết định ràng buộc [12]. Về CBD, Tòa trọng tài cho rằng kể cả CBD quy định về việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến giải thích hoặc áp dụng UNCLOS thì CBD vẫn không thỏa mãn yêu cầu của Điều 282 do cơ chế của CBD không bắt buộc và không mang lại quyết định ràng buộc [12]. Như vậy, theo Điều 282, chỉ những cơ chế giải quyết tranh chấp có tính chất tương tự như cơ chế giải quyết tranh

¹⁵ Ý kiến riêng của Thẩm phán Jesus, các đoạn 2-8.

¹⁶ Ý kiến riêng của Thẩm phán Anderson.

¹⁷ Ý kiến riêng của các Thẩm phán Wolfrum và Tullio Treves.

¹⁸ Ý kiến riêng của Thẩm phán Wolfrum.

¹⁹ Ý kiến riêng của Thẩm phán Tullio Treves, đoạn 6.

²⁰ Mặc dù vậy, Tòa Trọng tài vụ *MOX Plant* đã quyết định hoãn thủ tục của UNCLOS cho đến khi ECJ ra phán quyết vì không loại trừ khả năng ECJ quyết định có thẩm quyền riêng biệt trong việc giải quyết tranh chấp liên quan đến UNCLOS giữa các thành viên EU.

chấp của UNCLOS thì mới có thể thay thế được cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS.

Những phân tích trên đây cho thấy các thỏa thuận khu vực hoặc song phương phải đáp ứng nhiều điều kiện rất chặt chẽ tại Điều 281 và Điều 282 UNCLOS mới có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Phần tiếp theo của bài viết sẽ xem xét một số thỏa thuận song phương và khu vực đáng chú ý ở Biển Đông giữa các bên tranh chấp để đánh giá khả năng vận dụng các điều khoản này đối với tranh chấp Biển Đông.

4. Các thỏa thuận song phương và khu vực ở Biển Đông và khả năng loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS

Đối với tranh chấp Biển Đông, DOC là thỏa thuận khu vực đầu tiên được ký kết giữa các nước ASEAN và Trung Quốc và đến nay vẫn là văn kiện được các nước ASEAN và Trung Quốc nhắc đến nhiều nhất, bên cạnh UNCLOS, khi thể hiện lập trường về hành xử của các bên trong tranh chấp. Trong Tài liệu lập trường (*Position Paper*) ngày 07/12/2014 liên quan đến vấn đề thẩm quyền *vụ kiện trọng tài Biển Đông*, Trung Quốc đã viện dẫn Điều 281 UNCLOS và nhấn mạnh phù hợp với điểm 4 của DOC, các nước ASEAN và Trung Quốc chỉ có thể giải quyết tranh chấp Biển Đông thông qua tham vấn và thương lượng hữu nghị [20]²¹. Tuy nhiên, như đã trình bày tại phần II của bài viết, quan điểm và lập luận của Trung Quốc đã bị Toà trọng tài Phụ lục VII bác bỏ do DOC không đáp ứng bất kỳ điều kiện nào của Điều 281 để có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Toà cũng kết luận DOC không đáp ứng bất kỳ điều kiện của Điều 282 để thay thế UNCLOS. Đáng chú ý, trong Tài liệu lập trường, Trung Quốc hoàn toàn không đề cập đến Điều 282, cho thấy đối với nước này, DOC cũng

không phải là thỏa thuận khu vực có thể thỏa mãn các quy định chặt chẽ của Điều 282.

Từ thực tiễn *vụ kiện trọng tài Biển Đông*, có thể nhận định nhiều khả năng Trung Quốc sẽ tiếp tục sử dụng các thỏa thuận được ký kết giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, đồng thời viện dẫn Điều 281 để bác bỏ nỗ lực tìm kiếm giải pháp pháp lý của bên tranh chấp còn lại. Phần 4 của bài viết sẽ xem xét một số thỏa thuận giữa Trung Quốc và các nước ASEAN là bên tranh chấp ở Biển Đông được ký kết sau DOC để làm rõ khả năng đáp ứng các điều kiện của Điều 281 và Điều 282 UNCLOS. Các thỏa thuận này bao gồm Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011, Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 và Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018. Với Malaysia, Trung Quốc cũng đã đạt được thỏa thuận vào năm 2019 về việc sẽ xây dựng cơ chế đối thoại song phương về vấn đề trên biển; tuy nhiên, nội dung cụ thể của thỏa thuận không được công khai, do đó thỏa thuận giữa Malaysia với Trung Quốc không thuộc phạm vi nghiên cứu của bài viết.²²

4.1. Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011

Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 được ký kết để ghi nhận nhận thức chung giữa hai bên về một số nguyên tắc giải quyết vấn đề trên biển. Trong đó, điểm 1 của Thỏa thuận khẳng định hai bên “kiên trì thông qua hiệp thương hữu nghị, xử lý và giải quyết thỏa đáng vấn đề trên biển”; điểm 3 khẳng định “đối với tranh chấp trên biển giữa Việt Nam - Trung Quốc, hai bên giải quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị. Nếu tranh chấp liên quan đến các nước khác, thì sẽ hiệp thương với các bên tranh chấp khác”. Để xem xét khả năng Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 thỏa mãn các điều kiện của Điều 281 và Điều 282, câu hỏi được đặt ra là Thỏa thuận này i) có phải là điều ước quốc tế hay không; ii) có loại trừ các

²¹ Theo điểm 4 DOC, các bên liên quan cam kết giải quyết tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán bằng các biện pháp hòa bình, không đe dọa sử dụng hay sử dụng vũ lực, thông qua tham vấn và thương lượng hữu nghị giữa các quốc gia

có chủ quyền trực tiếp liên quan, phù hợp với các nguyên tắc phổ quát của luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS.

²² Từ 2019 đến nay chưa có thêm thông tin công khai liên quan đến việc thành lập cơ chế đối thoại biên giữa Malaysia và Trung Quốc.

thủ tục giải quyết tranh chấp khác hay không và iii) có quy định một thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc và ràng buộc để giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS giữa hai bên hay không.

Liên quan đến điều kiện i), theo Điều 2(1) Công ước Viên về Luật điều ước năm 1969, “điều ước quốc tế” là một văn kiện quốc tế được ký kết giữa các quốc gia dưới dạng văn bản và được điều chỉnh bởi luật pháp quốc tế, bất kể tên gọi là gì. Để xác định bản chất pháp lý của văn kiện, phù hợp với Điều 31 và Điều 32 Công ước Viên năm 1969, các tòa án quốc tế thường căn cứ trước tiên vào lời văn của văn kiện để xem xét liệu thỏa thuận có ý định rõ ràng sẽ xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo luật quốc tế hay không. Căn cứ lời văn của Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011, có thể thấy Thỏa thuận 2011 không phải là điều ước quốc tế. Thứ nhất, văn kiện này không có các điều khoản về thời điểm có hiệu lực, thời gian hiệu lực, gia hạn, sửa đổi, ... được sử dụng trong các điều ước quốc tế, đặc biệt các điều ước liên quan đến vấn đề biên giới lãnh thổ vốn thường quy định khá chặt chẽ về hình thức hiệu lực. Thứ hai, ngôn ngữ của văn kiện, đặc biệt các cụm từ “cố gắng”, “nỗ lực”, “tích cực bàn bạc”, cho thấy hai bên muốn khẳng định nguyện vọng chính trị hơn là tạo ra nghĩa vụ ràng buộc về pháp lý. Thứ ba, mặc dù Trung Quốc có thể lập luận từ ㉒ (tại điểm 3) trong văn bản tiếng Trung có nghĩa là “phải”, từ này cũng có được hiểu là “nên”; hơn nữa, từ này chỉ xuất hiện trong văn bản tiếng Trung, văn bản tiếng Việt hoàn toàn không có thuật ngữ nào có khả năng chứa đựng hàm nghĩa pháp lý, do đó không thể tạo nghĩa vụ pháp lý đối với hai bên. Xét bối cảnh ký kết văn bản, theo luật pháp quốc gia của mỗi bên, nếu là một điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề biên giới lãnh thổ, văn kiện đã phải được trình lên cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn để hoàn thành thủ tục nội bộ nhằm thể hiện sự

ràng buộc của mỗi bên. Việc Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 không được trình lên cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn theo pháp luật về điều ước quốc tế của mỗi nước cho thấy hai bên đã không xem Thỏa thuận là điều ước quốc tế.

Liên quan đến điều kiện ii), nếu áp dụng cách tiếp cận của hầu hết các án lệ quốc tế như đã được phân tích tại phần 3 của bài viết, có thể khẳng định Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 không đáp ứng điều kiện của Điều 281. Từ “kiên trì” tại điểm 1 của Thỏa thuận không thể được giải thích là đã loại trừ rõ ràng các thủ tục giải quyết tranh chấp khác. Từ này được sử dụng tại điều khoản về khuôn khổ chính trị, không phải tại điều khoản về cơ chế giải quyết tranh chấp trên biển giữa các bên. Hơn nữa, “kiên trì” thể hiện việc hai bên ưu tiên và nỗ lực hết sức để đàm phán một cách có thiện chí, nhưng không có nghĩa là hai bên sẽ mãi mãi đàm phán nếu đàm phán không có kết quả, vì vậy “kiên trì” không đồng nghĩa với “chỉ”, hay “duy nhất”. Tương tự, nội dung “hai bên giải quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị” tại điểm 3 cũng không thể được hiểu là đã loại trừ rõ ràng các thủ tục khác. Hơn nữa, căn cứ lời văn của điểm 3²³, có thể thấy mục đích của điểm này là để phân biệt việc giải quyết tranh chấp song phương và tranh chấp đa phương hơn là quy định thủ tục²⁴. Văn bản Thỏa thuận cũng không có quy định nào tương tự Điều 16 của CCSBT mà Tòa Trọng tài Phụ lục VII trong *Southern Bluefin Tuna 2000* đã sử dụng để kết luận CCSBT đã ngầm loại trừ thủ tục bắt buộc của UNCLOS.²⁵ Ngược lại, Thỏa thuận trực tiếp ghi nhận “chế độ pháp lý và nguyên tắc được xác định bởi luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982” để tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài cho các vấn đề tranh chấp trên biển [1, Điểm 2]. Do đó, Thỏa

²³ Điểm 3 ghi nhận.

²⁴ Điều này là bởi tại Biển Đông tồn tại các tranh chấp giữa hai hoặc nhiều quốc gia. Các tranh chấp giữa nhiều bên phải được trao đổi giữa tất cả các bên yêu sách để giải quyết, không phải chỉ riêng Việt Nam và Trung Quốc trao đổi với nhau; các tranh chấp chỉ liên quan đến Việt Nam và Trung

Quốc sẽ được hai bên trao đổi để giải quyết. Cách tiếp cận này là hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc tế.

²⁵ Điều này nêu rõ thủ tục trọng tài hoặc tư pháp chỉ có thể được sử dụng nếu có *chấp thuận của của tất cả các bên*, như được phân tích tại phần II của bài viết.

thuận cũng không “ngầm” loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS.

Cuối cùng, liên quan đến điều kiện iii), do Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 không quy định thủ tục giải quyết tranh chấp nào tính chất bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc, văn kiện này không thể thay thế thủ tục của UNCLOS.

Như vậy, Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 không đáp ứng các điều kiện của Điều 281 và Điều 282 để loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS.

4.2. Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018

Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 được ký kết để ghi nhận các cơ sở, nguyên tắc hợp tác và thiết lập cơ chế trao đổi nhằm thúc đẩy hợp tác dầu khí ở Biển Đông giữa hai nước. Theo đó, Bản ghi nhớ khẳng định cơ sở của việc hợp tác là Hiến chương Liên Hợp quốc, UNCLOS và DOC [3, Điểm I]. Nguyên tắc hợp tác là tôn trọng lẫn nhau, công bằng, cùng có lợi, linh hoạt, thực tế và đồng thuận [3, Điểm II]. Bản ghi nhớ thành lập cơ chế Ủy ban chỉ đạo liên Chính phủ và Nhóm công tác liên doanh nghiệp dầu khí Philippines - Trung Quốc để thảo luận về việc hợp tác, song khẳng định hoạt động của các cơ chế này sẽ không làm phương hại đến lập trường pháp lý của cả hai bên [3, Điểm IV]. Đáng chú ý, Bản ghi nhớ quy định rõ văn kiện này không tạo ra các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quốc gia hoặc luật pháp quốc tế [3, Điểm IV].

Với việc khẳng định sẽ không tạo ra quyền và nghĩa vụ pháp lý quốc tế đối với hai bên tranh chấp, Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 không phải là điều ước quốc tế theo định nghĩa tại Điều 2 (1) Công ước Viên về Luật điều ước năm 1969. Do đó, văn kiện này không đáp ứng điều kiện thứ nhất của Điều 281 và Điều 282 để loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS.

Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 không có điều khoản nào quy định về biện pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS giữa hai

nước. Cơ chế Ủy ban chỉ đạo liên Chính phủ và Nhóm công tác liên doanh nghiệp dầu khí được thành lập là để trao đổi về khả năng hợp tác dầu khí giữa hai bên; cả hai cơ chế đều không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Vì vậy, Bản ghi nhớ cũng không đáp ứng điều kiện thứ hai của Điều 281 và Điều 282.

Bản ghi nhớ không có ngôn ngữ loại trừ rõ ràng các thủ tục bắt buộc của UNCLOS, chỉ ghi nhận “các vấn đề khác liên quan đến Bản ghi nhớ này có thể được Chính phủ hai bên cùng đưa ra Ủy ban hoặc Nhóm công tác để trao đổi và thỏa thuận” [3, Điểm VI]. Kể cả nếu áp dụng cách tiếp cận của Tòa trọng tài trong vụ Southern Bluefin Tuna 2000 thì văn kiện này cũng không “ngầm” loại trừ thủ tục bắt buộc của UNCLOS do thuật ngữ “có thể” không thể hiện nghĩa vụ pháp lý. Hơn nữa, Bản ghi nhớ đã khẳng định rõ sẽ không làm phương hại đến lập trường của mỗi bên và việc hợp tác sẽ được tiến hành trên cơ sở UNCLOS. Do đó, thỏa thuận này không đáp ứng điều kiện thứ ba của Điều 281.

Cuối cùng, Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 cũng không đáp ứng điều kiện thứ ba của Điều 282 vì không quy định về một cơ chế bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc nào để giải quyết tranh chấp.

Như vậy, Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018 không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 281 và Điều 282 UNCLOS nên không thể loại trừ các cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước.

4.3. Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018

Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc được ký ngày 19/11/2018 nhân chuyến thăm Brunei của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình song văn bản không được công khai mà chỉ được ghi nhận tại Tuyên bố chung ngày 19/11/2018 giữa hai nước [2]. Trên cơ sở Bản ghi nhớ, hai bên đã thành lập Ủy ban chỉ đạo liên hợp cấp Bộ trưởng Brunei - Trung Quốc. Đến nay, cơ chế này đã tổ chức hai phiên họp vào ngày 21/01/2020 và ngày 14/01/2021; sau mỗi cuộc họp hai bên đều ra Thông cáo báo chí chung.

Thông cáo báo chí chung của cả hai phiên họp ghi nhận nhiều vấn đề, bao gồm chính trị, quan hệ song phương, giao thông kết nối, kinh tế, thương mại và đầu tư, nông nghiệp, nghề cá, du lịch, hợp tác ASEAN - Trung Quốc và lĩnh vực biển [21-22]. Về hợp tác biển, vấn đề Biển Đông được đề cập trong cả hai Thông cáo báo chí chung với nội dung giống nhau. Theo đó, hai bên “*tái khẳng định cam kết duy trì và thúc đẩy hòa bình, ổn định và an toàn ở Biển Đông, và tầm quan trọng của việc giải quyết các tranh chấp về tài phán và lãnh thổ thông qua đối thoại và tham vấn hòa bình giữa các quốc gia có chủ quyền liên quan trực tiếp, và phù hợp với các nguyên tắc của luật pháp quốc tế được công nhận rộng rãi, bao gồm UNCLOS*”, “*tái khẳng định cam kết cùng hợp tác với các quốc gia thành viên ASEAN trong việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả toàn bộ DOC và sớm ký kết và thông qua một COC hiệu quả và thực chất ở Biển Đông*” [21]. Tại phiên khai mạc của Ủy ban chỉ đạo liên hợp, Brunei và Trung Quốc cũng nhất trí sẽ thành lập Nhóm công tác về biển, bên cạnh các Nhóm công tác trong các lĩnh vực khác [21]. Tuy nhiên, trên thực tế đến nay hai bên vẫn chưa chính thức thành lập Nhóm công tác này.

Căn cứ các nội dung công khai tại Tuyên bố chung, Thông cáo báo chí chung của hai phiên họp, có thể khẳng định Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018 là văn kiện về thúc đẩy hợp tác chung giữa hai bên hơn là một thoả thuận quy định cụ thể, chi tiết về vấn đề trên biển. Nhiều khả năng Bản ghi nhớ này là một văn kiện chính trị, tái khẳng định lập trường của hai bên về một số vấn đề nhận thức chung, không tạo ra nghĩa vụ pháp lý mới, vì vậy không phải là điều ước quốc tế. Vì vậy, văn kiện này không đáp ứng điều kiện đầu tiên của Điều 281 và Điều 282.

Kể cả nếu Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018 là một điều ước quốc tế, rất ít khả năng văn kiện này chứa đựng quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS do mục đích của văn kiện là nhằm thúc đẩy hợp tác song phương giữa hai bên về nhiều mặt, trong đó vấn đề trên biển chỉ là một khía cạnh hợp tác. Cho nên có thể nhận định ít khả năng Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm

2018 đáp ứng điều kiện thứ hai của Điều 281 và Điều 282.

Tại các Thông cáo báo chí chung, hai bên cũng chỉ ghi nhận về “*tầm quan trọng của việc giải quyết các tranh chấp tài phán và lãnh thổ thông qua tham vấn và đối thoại hòa bình bởi các quốc gia có chủ quyền liên quan trực tiếp*” [21, 22], không thể hiện ý định thiết lập thủ tục giải quyết tranh chấp riêng mang tính bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc và cũng không có các yếu tố ngầm loại trừ hoặc loại trừ rõ ràng các cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc của UNCLOS. Vì vậy, Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc 2018 cũng không đáp ứng điều kiện thứ ba của Điều 281 và Điều 282.

Tóm lại, tương tự như Thoả thuận Việt Nam - Trung Quốc năm 2011 và Bản ghi nhớ Philippines - Trung Quốc năm 2018, Bản ghi nhớ Brunei - Trung Quốc năm 2018 không thỏa mãn các điều kiện của Điều 281 và Điều 282 để loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS.

5. Kết luận

Sau 40 năm kể từ khi được Hội nghị của Liên hợp quốc về Luật Biển lần III thông qua, UNCLOS đã thực sự đi vào đời sống quốc tế như là thành tựu có ý nghĩa nhất trong sự phát triển của luật biển quốc tế hiện đại. Vai trò của UNCLOS trong việc xác lập một khuôn khổ pháp lý bao quát, căn bản, quan trọng nhất về chế độ của các vùng biển và đại dương - một bản Hiến pháp toàn cầu về biển và đại dương - ngày càng được củng cố. Đặc biệt, UNCLOS đã tạo ra một “*sân chơi bình đẳng*” (*level-playing field*) trong đó mọi quốc gia thành viên, dù lớn hay nhỏ, đều có thể đưa các tranh chấp biển ra bên thứ ba để xem xét, giải quyết một cách khách quan trên cơ sở luật pháp quốc tế. Tính phổ quát, toàn vẹn của UNCLOS, cũng như tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của Công ước, vì vậy, có ý nghĩa lớn đối với cộng đồng quốc tế, đặc biệt là đối với các nước vừa và nhỏ, và do đó, cần được tôn trọng, gìn giữ và phát huy.

Bài viết này đã nghiên cứu tính bắt buộc của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS; phân

tích các điều kiện cụ thể tại Điều 281 và Điều 282 cho phép thoả thuận song phương, khu vực có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS; xem xét các thoả thuận ở Biển Đông để đánh giá hệ lụy đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, khi có tranh chấp phát sinh, các quốc gia là thành viên UNCLOS có quyền thoả thuận để lựa chọn các biện pháp hoà bình phù hợp để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, để có thể bỏ qua cơ chế giải quyết của UNCLOS, giữa các bên phải có thoả thuận mang tính ràng buộc pháp lý, thoả thuận này phải rõ ràng, thủ tục giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước, phải quy định rõ về việc loại trừ các thủ tục khác để giải quyết tranh chấp, hoặc thủ tục giải quyết tranh chấp trong thoả thuận phải có cả tính bắt buộc và ràng buộc tương tự như tính chất và đặc điểm của cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS.

Với các yêu cầu rõ ràng tại Điều 281 và Điều 282 UNCLOS, được các toà án quốc tế giải thích và áp dụng chặt chẽ, rất khó để các thoả thuận song phương, khu vực có thể loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của UNCLOS. Như bài viết đã chỉ ra, các thoả thuận song phương, khu vực liên quan đến Biển Đông mà các nước ASEAN ký kết với Trung Quốc đến nay đều không đáp ứng các điều kiện để loại trừ hoặc áp dụng thay thế các thủ tục giải quyết tranh chấp mang tính bắt buộc đưa đến quyết định ràng buộc của UNCLOS.

Tuy vậy, trong bối cảnh tranh chấp Biển Đông xuất hiện một số lập luận nhằm hạ thấp tính toàn vẹn của UNCLOS, viện dẫn Điều 281 và Điều 282 để bác bỏ thẩm quyền của các cơ quan tài phán của Công ước, việc nâng cao nhận thức về ý nghĩa, nội dung, tác động có thể có của hai điều khoản này đối với việc sử dụng thủ tục của UNCLOS để giải quyết tranh chấp biển là rất cần thiết. Dù ba thoả thuận được phân tích trong bài viết đều không đáp ứng các điều kiện của Điều 281 và Điều 282, không loại trừ khả năng một thoả thuận được ký kết trong tương lai có thể tạo ra hệ lụy pháp lý đối với các thủ tục bắt buộc của UNCLOS. Do đó, khi đàm phán các

thoả thuận song phương, khu vực để quản lý, giải quyết tranh chấp Biển Đông hoặc thúc đẩy hợp tác ở Biển Đông trong thời gian tới, các bên nên cân nhắc cả vấn đề này để bảo đảm việc ký kết các thoả thuận riêng sẽ không làm phương hại đến quyền của các bên trong việc giải quyết tranh chấp thông qua các thủ tục bắt buộc đưa đến kết quả ràng buộc của UNCLOS. Điều này sẽ giúp các bên phát huy vai trò chủ động khi xây dựng “luật chơi” của khu vực và thúc đẩy hợp tác biển ở khu vực mà không để lại hệ lụy tiêu cực đối với khuôn khổ pháp lý toàn cầu về biển và đại dương, qua đó đóng góp vào việc duy trì, thúc đẩy hòa bình, ổn định và trật tự trên biển dựa trên UNCLOS tại khu vực Biển Đông.

Tài liệu tham khảo

- [1] <https://nhandan.vn/theo-dong-thoi-su/thoa-thuan-ve-nhung-nguyen-tac-co-ban-chi-dao-giai-quyet-van-de-tren-bien-giua-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-va-nuoc-cong-hoa-nhan-dan-trung-hoa-178255/> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [2] Ministry of Foreign Affairs Brunei Darussalam, Joint Statement between Brunei Darussalam and the People’s Republic of China, <http://mfa.gov.bn/Lists/Press%20Room/news.aspx?id=710> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [3] Scridb, Memorandum of Understanding on Cooperation on Oil and Gas Development between the Government of the Republic of the Philippines and the Government of the People’s Republic of China, https://www.scribd.com/embeds/394141586/content?start_page=1&view_mode=scroll&access_key=key-Cb1QTkDRN1mmUF4drfs2&show_recommendations=true (truy cập ngày 01/4/2022).
- [4] Reuters, China, Malaysia to Set Up South China Sea Dialogue Mechanism, <https://www.reuters.com/article/us-china-malaysia/china-malaysia-to-set-up-south-china-sea-dialogue-mechanism-idUSKCN1VX0JN> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [5] ASEAN, Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea, <https://asean.org/declaration-on-the-conduct-of-parties-in-the-south-china-sea-2/> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [6] Audiovisual Library of International Law, United Nations Convention on the Law of the Sea, <https://legal.un.org/avl/ha/uncls/uncls.html> (truy cập ngày 01/4/2022).

- [7] International Tribunal for the Law of the Sea, List of Cases, <https://www.itlos.org/en/main/cases/list-of-cases/> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [8] Permanent Court of Arbitration, United Nations Convention on the Law of the Sea, <https://pca-cpa.org/en/services/arbitration-services/unclos/> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [9] Southern Bluefin Tuna (New Zealand v. Japan; Australia v. Japan), Provisional Measures, Order of 27 August 1999, ITLOS Reports 1999, p.280, https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/case_no_3_4/published/C34-O-27_aug_99.pdf (truy cập ngày 11/6/2022).
- [10] Southern Bluefin Tuna Case between Australia and Japan and between New Zealand and Japan, Award on Jurisdiction and Admissibility, Decision of 4 August 2000, RIAA, Vol. XXIII, pp. 1-57, https://legal.un.org/riaa/cases/vol_XXIII/1-57.pdf (truy cập ngày 11/6/2022).
- [11] MOX Plant Case (Ireland v. United Kingdom), Order No.3, 24 June 2003, <https://pcacases.com/web/sendAttach/867> (truy cập ngày 11/6/2022).
- [12] The South China Sea Arbitration (Philippines v. China), Award on Jurisdiction and Admissibility, 29 October 2015, <https://pcacases.com/web/sendAttach/2579> (truy cập ngày 11/6/2022).
- [13] Timor Sea Conciliation (Timor-Leste v. Australia), Decision on Australia's objection to competence, 19 September 2016, <https://pcacases.com/web/sendAttach/10052> (truy cập ngày 11/6/2022).
- [14] Dispute Concerning Coastal State Rights in the Black Sea, Sea of Azov, and Kerch Strait (Ukraine v. the Russian Federation), Award Concerning the Preliminary Objections of the Russian Federation, 21 February 2020, <https://pcacases.com/web/sendAttach/9272> (truy cập ngày 11/6/2022).
- [15] A. J. Kamalnath, The Exclusion of Compulsory Proceedings Entailing Binding Decisions in Light of the Southern Bluefin Tuna and South China Sea Arbitrations, SSRN Electronic Journal, 2020, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3831590 (truy cập ngày 11/6/2022).
- [16] C. Romano, The Southern Bluefin Tuna Dispute: Hints of a World to Come...Like It or Not, *Ocean Development and International Law*, Vol. 32, 2001, pp. 313-348, <http://cesareromano.com/wp-content/uploads/2015/05/sbft-dispute.pdf> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [17] L. Sturtz, Southern Bluefin Tuna Case: Australia and New Zealand v. Japan, *Ecology Law Quarterly*, Vol 28, No. 2, 2001, pp. 455-486, https://www.jstor.org/stable/24114134?seq=1#metadata_info_tab_contents (truy cập ngày 01/4/2022).
- [18] D. Horowitz, Southern Bluefin Tuna Case (Australia and New Zealand v Japan) (Jurisdiction and Admissibility); The Catch of Poseidon's Trident: The Fate of High Seas Fisheries in the Southern Bluefin Tuna Case, *Melbourne University Law Review*, Vol. 25, No.3, 2001, pp. 810-829, <http://classic.austlii.edu.au/au/journals/MelbULawRw/2001/26.html> (truy cập ngày 01/4/2022).
- [19] MOX Plant (Ireland v. United Kingdom), Provisional Measures, Order of 3 December 2001, ITLOS Reports 2001, p.95, https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/case_no_10/published/C10-O-3_dec_01.pdf (truy cập ngày 11/6/2022).
- [20] Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China, Position Paper of the Government of the People's Republic of China on the Matter of Jurisdiction in the South China Sea Arbitration Initiated by the Republic of the Philippines 07/12/2014, https://www.fmprc.gov.cn/nanhai/eng/snhwtlcwj_1/201606/t20160602_8527277.htm (truy cập ngày 01/4/2022).
- [21] Ministry of Foreign Affairs Brunei Darussalam, Joint Press Release of the Inaugural Meeting of the Joint Steering Committee between the People's Republic of China and Brunei Darussalam, https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/wjdt_665385/2649_665393/202001/t20200122_679605.html (truy cập ngày 01/4/2022).
- [22] Ministry of Foreign Affairs Brunei Darussalam, Joint Press Release on the second meeting of the Joint Steering Committee between the People's Republic of China and Brunei Darussalam. https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/wjb_663304/wjbz_663308/activities_663312/202101/t20210116_478558.html (truy cập ngày 01/4/2022).